

HỌC ANH NGỮ TRÊN ĐÀI VOA

Đi nghe bài học, xin [BỘ M VÀO ĐÁY](#)

Đây là chương trình Anh ngữ Sinh động—New Dynamic English—bài thứ 30. Phạm Văn xin kính chào quý vị thính giả.

Trong phần đầu, quý vị nghe Ken Moss trong phần Man on the Street: TOURIST. Ngữ pháp ngoài phạm vi—Du khách. Một bà đang chờ xem phi hành gia John Dale ở Bộ tàng vật n Hàng Không và Không Gian—Air and Space Museum ở Washington, D.C.

ASTRONAUT=phi hành gia

MUSEUM=bộ tàng vật n

CAFETERIA=tiệm ăn nh.

She's eating lunch at the cafeteria in the museum=bà ấy đang ăn trưa ở tiệm ăn nh trong bộ tàng vật n.

I'm staying with her for a few days=tôi ở nhà ch tôi vài ngày.

BY YOURSELF=một mình [dùng cho ngôi thứ hai số ít].

He's wearing a gray jacket=anh ta mặc một áo tây màu xám.

CUT 1

Man on the Street: Tourist.

Kent: This is the Dynamic English Man on the Street, Kent Moss. Today I'm standing in front of the Air and Space Museum in Washington, D.C. People are waiting to see the American astronaut, John Dale.

He's making a special visit here today. Excuse me?

Woman: Yes.

Kent: Are you waiting to see John Dale?

Woman: Yes, that's right.

Kent: Are you here by yourself?

Woman: No, my sister is with me. Well, she's not here right now.

Kent: Do you live in Washington?

Woman: No, I don't. I'm from Ohio. I'm here visiting my sister. I'm staying with her for a few days.

Kent: She lives in Washington?

Woman: That's right. Oh, look! There's John Dale now!

Kent: Where?

Woman: He's coming through that door. Do you see him? He's wearing a gray jacket.

Kent: Oh, yes. There he is. Excuse me... Well, thanks for talking with me.

Woman: My pleasure.

Music

Vietnamese explanation

Sau đây chúng ta nghe câu chuyện giữa bà—Story Interlude: Max's wife's job's search = Vợ anh Max tìm việc làm.

A job interview=phỏng vấn trước khi xin việc.

APPLY FOR A JOB=xin việc làm.

COMPANY=công ty .

COMPUTER=điện toán.

A GOOD JOB=việc làm tốt.

PART TIME=bán thời gian

FLEXIBLE SCHEDULE=thời giờ làm việc linh động. [Chú thích: thu nhập thời giờ làm việc của người Mỹ trung bình là 8 giờ mỗi ngày từ 9 giờ sáng đến 5 giờ chiều – nine to five—những người có nhu cầu nhân cho phép nhân viên làm thời giờ linh động cho tiện lo việc gia đình như có con nhỏ hay cha mẹ già ốm nên sao thường số giờ hàng tuần vẫn là 40 giờ.]

CERTAIN=chắc chắn.

OFFER=cho.

Well, it's not certain. They haven't offered it to her yet= Không chắc. Họ chưa đưa ra cho cô ý việc làm.

CUT 2

Larry: And...we're off the air. Good show, guys.

Kathy: Oh Max, there was a message from your wife. She said the job interview went well.

Max: Oh, that's great. She applied for a job with a small company in Bethesda. She had her second interview today.

Kathy: What kind of company is it?

Max: It's a computer company.

Kathy: Do you think it's a good job for her?

Max: Oh, it's perfect! It's part time, with a flexible schedule. And she'll be able to do some of the work at home.

Kathy: Oh, I hope she gets it.

Max: I think she will. They seem to like her a lot.

Kathy: Oh, hi Elizabeth. It looks as if Max's wife has found a new job.

Max: Well, it's not certain. They haven't offered it to her yet.

Eliz: Well, wish her the best of luck.

Max: I'll do that.

Larry: Quiet please, everyone. Ready for Functioning in Business. Cue music.

Music

Vietnamese explanation

Sau đây là phần FUNCTIONING IN BUSINESS, một tập video thực hành mà i trình độ trung cấp, chú trọng vào các tập từ vựng và từ vựng làm việc trong thực hành tiếng.

Bài học hôm nay là "Making an Appointment—Part 5; Xin hẹn gặp—phần 5" Phần này chú trọng vào cách nói rõ số hẹn giờ nào và cách chọm để từ từ từ vựng đi đến đàm.

TO CONFIRM=nói rõ, xác nhận.

END A CONVERSATION=chọm để từ từ từ vựng nói chuyện.

Chúng ta sẽ nghe ba người gặp nhau và thực hành từ vựng về thực hành mà i. Hôm nay chúng ta tập từ vựng về thực hành từ vựng về (business trip). Chúng ta nghe ba người. Đó là Charles Blake, làm cho hãng International Robotics; Michael Epstein, làm cho hãng Advanced Technologies, và Shirley Graham, cũng làm cho hãng Advanced Technologies.

Chú khó:

ARRANGE A MEETING=hẹn ngày giờ và nơi gặp.

DECISION=điều quyết định.

TO DECIDE=quyết định= TO MAKE A DECISION. PURCHASE=mua.

INDUSTRIAL ROBOTS=ngành máy dùng trong kỹ thuật.

BOSS=người chỉ huy trong công việc mình, sếp.

The decision would have to come from his boss=quyết định là do người sếp của ông ta.

HEAD OFFICE=văn phòng chính.

PLANT=xưởng máy

CUT 3

Eliz: Hello, I'm Elizabeth Moore. Welcome to Functioning in Business!

Music

Larry: Functioning in Business is an intermediate level business English course with a focus on American business practices and culture.

Today's unit is "Making and Appointment, Part 5." This program focuses on confirming meeting times and ending a conversation. Today we continue our program about an important business trip.

We are following three people involved in business meetings and negotiations. They are Charles Blake, of International Robotics, Michael Epstein of Advanced Technologies, and Shirley Graham, also of Advanced Technologies.

Music

Charles Blake, Arranging a Meeting.

Larry: Phone interview.

Eliz: On today's program I'll be talking with Charles Blake. Mr. Blake is speaking to us by phone from his company's head office in Beijing.

Eliz: Hello, Mr. Blake. How are you?

Blake: Fine, thank you.

Eliz: In this show we're going to listen to the second part of your phone to Mr. Mike Epstein of Advanced Technologies.

Blake: That's right. I called him from my hotel when I arrived in San Francisco on June...June 10th. I wanted to meet with him and with his boss...

Eliz: Shirley Graham.

Blake: That's right, Ms. Graham. I knew that Mr. Epstein wanted to purchase industrial robots for the new plant. But he wasn't the one making the decision. The decision would have to come from his boss, Shirley Graham. So I was looking forward to meeting with her.

Eliz: OK. Let's listen to the conversation.

Vietnamese explanation

Sau đây, quý vị nghe lại một đoạn đàm thoại trong đó ông Blake kể ông hẹn gặp ông Epstein và người tiếp xúc của ông Epstein là Ms. Graham.

Ôn lại: SHOW YOU AROUND=đưa đi xem (thành phố).

PROJECT án.

MANAGER=quản lý.

KEEP YOUR SCHEDULE FREE AROUND LUNCH TIME=đừng hẹn ai vào giờ ăn trưa.

I'LL LOOK FORWARD TO SEEING YOU=tôi mong gặp bạn.

CUT 4

Dialog: Arranging a Meeting.

Larry: Dialog.

Larry: Let's listen to the second part of the conversation between Mr. Blake and Mr. Epstein.

Epstein: I'll tell you what, I'll meet you tomorrow around 11:15. Then we can go to lunch, and then I'll show you around San Francisco.

Blake: That sounds very nice.

Epstein: Great, just one other thing... I would like to introduce you to one of our vice presidents, Ms. Shirley Graham.

She's the manager of the project that I'm working on, and I was wondering if we could get together again, say, Wednesday.

Blake: Ah, I have no plans on Wednesday, and I would like to meet her.

Epstein: Okay, ah, if you could keep your schedule free around lunch time on Wednesday, and then I'll finalize the appointment with her.

Blake: Okay, very good.

Epstein: All right, I'll look forward to seeing you tomorrow morning.

Blake: Okay, that's tomorrow, 11:15, at the hotel.

Music

Vietnamese explanation

Trong ph n VARIATIONS, quý v nghe cách nói m t ý b ng hai cách. Thí d khi mu n nói, "Sáng mai tôi sẽ gặp ông," thì có th nói nhi u cách: "I'll look forward to seeing you tomorrow morning," hay, "See you tomorrow morning."

Xin m i quý v i ng nghe và i p i.

CUT 5

Larry: Variations. Listen to these variations.

Larry: I'll look forward to seeing you tomorrow morning. Eliz: See you tomorrow morning. (pause for repeat)

Larry: That's tomorrow, 11:15, at the hotel.

Eliz: So I'll see you tomorrow at 11:15 at my hotel. (pause)

Larry: I'm looking forward to seeing you too.

Eliz: I'll look forward to seeing you too. (Pause)

Larry: Bye bye.

Eliz: Good bye. (pause)

Music

Vietnamese explanation

Trong phạm vi này, Ông Blake kể chuyện số gặp ông Epstein và người tiếp xúc của ông ta là Shirley Graham.

KEEP MY SCHEDULE OPEN=để thời gian trống, không bận ai.

I WAS PRETTY TIRED FROM MY FLIGHT=tôi khá mệt sau chuyến bay.

I WANT TO BE WELL RESTED=tôi muốn nghỉ ngơi cho thoải mái.

CUT 6

Interview: Charles Blake. Arranging a Meeting

Eliz: So you arrange to meet with Mr. Epstein on Tuesday, and with Ms. Graham on the following day, on Wednesday.

Blake: That's right. I agreed to keep my schedule open on Wednesday to meet with Ms. Graham. Mr. Epstein said he would let me know when the meeting was confirmed.

Eliz: What do you do for the rest of the evening...Monday evening?

Blake: Well, I was pretty tired from my flight, so I had dinner at the hotel, and then went to bed. I wanted to be well rested the next day for my meeting with Mr. Epstein.

Eliz: I see. Thank you for talking with us.

Blake: My pleasure.

Eliz: Let's take a short break.

Music

Vietnamese explanation

Quý vị vừa xem xong bài 30 trong chương trình ANH NGỮ SINH ĐỘNG NEW DYNAMIC ENGLISH. Phạm Văn xin kính chào quý vị thính giả và xin hẹn gặp lại trong bài học tiếp theo.